TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 703/2023/DS-PT
Ngày: 29 - 6 -2023
"Tranh chấp chia tài sản chung và yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thịnh

Các Thẩm phán: 1. Bà: Lê Thị Ngọc Hương
2. Bà: Võ Thị Kim Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Long Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:
Bà Đỗ Lê Mỹ Phương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/DSPT ngày 25/5/2023 về "Tranh chấp chia tài sản chung và yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu"; do Bản án dân sự sơ thẩm số 513/2023/DS-ST ngày 07/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2387/2023/QĐXX-PT ngày 01 tháng 6 năm 2023, và Quyết định hoãn phiên tòa số 7883/QĐ-PT, ngày 19/6/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Bà Vũ Thị Lệ T** - Sinh năm 1969.

Địa chỉ liên hệ: 106/3 khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh D.

Hộ khẩu thường trú: Số 52 đường A1, khu phố A, phường B1, thành phố C1, Thành phố D1 (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn Q - Sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 23, Ngõ 84, phố A2, phường B2, quận C2, thành phố D2 (Văn bản ủy quyền ngày 03/6/2020) (Có mặt).

2. Bị đơn: **Bà Vũ Thị H** - Sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số 52 đường A1, khu phố A, phường B1, thành phố C1, Thành phố D1 (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà H:

- Bà Bùi Thị Thanh T1 - Sinh năm 1992.

Địa chỉ: D2.03.01 Chung cư E đường A3 khu phố 7, phường B3, thành phố C1, Thành phố D1 (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông: Hoàng Anh T2 - Sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 52 đường A1, khu phố A, phường B1, thành phố C1, Thành phố D1 (Vắng mặt).

3.2. Ông: Hoàng Việt H1 - Sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 52 đường A1, khu phố A, phường B1, thành phố C1, Thành phố D1 (Vắng mặt).

3.3. Bà Hoàng Thị Lan A - Sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 52 đường A1, khu phố A, phường B1, thành phố C1, Thành phố D1.

Ông T2, ông H1 và bà Lan A tất cả ủy quyền cho:

- Bà Bùi Thị Thanh T1 - Sinh năm 1992.

Địa chỉ: D2.03.01 Chung cư E đường A3 khu phố 7, phường B3, thành phố C1, Thành phố D1 (Có mặt).

- Ông Dương Hoàng T3 - Sinh năm 1992.

Địa chỉ liên hệ: Phòng 2002, tầng 20, Tòa nhà F, 72-74 đường A4, phường B4, quận C3, Thành phố D1 (Giấy ủy quyền số công chứng 004732, ngày 04/5/2023) (Có mặt).

3.4. Bà Mai Thị T4 - Sinh năm 1935.

Địa chỉ: Số 56/2 đường A1, khu phố A, phường B1, thành phố C1, Thành phố D1 (Xin vắng mặt).

3.5. Văn phòng công chứng G.

Địa chỉ: Số 982 đường A5, phường B5, thành phố C1, Thành phố D1 (Xin vắng mặt).

4. ***Người làm chứng:***

4.1. Bà Bùi Thị Hồng N - Sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 642/23 đường A5, khu phố A, phường B1, thành phố C1, Thành phố D1 (Xin vắng mặt).

4.2. Ông Trần Văn Ngọc H2 - Sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Số 17/17/2 khu phố A, phường B1, thành phố C1, Thành phố D1 (xin vắng mặt).

4.3. Ông Nguyễn Văn H3 - Sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Số 35/8/1 khu phố A, phường B1, thành phố C1, Thành phố D1 (xin vắng mặt).

4.4. Bà Nguyễn Thị S - Sinh năm: 1975.

Địa chỉ: ấp A6, xã B6, huyện C4, tỉnh D3.

4.5. Bà Hoàng Thị Ngọc Y - Sinh năm 1961 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 56/4 A1, khu phố A, phường B1, thành phố C1, Thành phố D1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn Q trình bày: Bà T xác định, trước đây ông Hoàng Mạnh T5 và bà Vũ Thị H là vợ chồng, cả hai có tài sản chung là nhà và đất tọa lạc tại số 52 đường A1, khu phố A, phường B1, thành phố C1, Thành phố D1 theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5564/2008/GCN do Ủy ban nhân dân thành phố C1 cấp ngày 18/8/2008. Ngày 12/5/2009 ông T5 và bà H ly hôn, theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 135/2009/QĐST-HNGĐ ngày 12/5/2009 của Tòa án nhân dân thành phố C1 chỉ giải quyết vấn đề ly hôn và nuôi con, về tài sản chung các bên chưa giải quyết, căn nhà ông bà vẫn quản lý chung. Đến năm 2016 ông T5 và bà T kết hôn với nhau, không có đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B1, thành phố C1, Thành phố D1 (giấy chứng nhận kết hôn số 110 ngày 20/8/2016). Sau khi ông T5 và bà T kết hôn thì ông bà sống tại lầu 1 của căn nhà nêu trên, bà H (là vợ đầu của ông T5) và các con của ông T5 và bà H sống ở tầng trệt của căn nhà này. Ông T5 bị bệnh, bà T là người chăm sóc và lo thuốc men cho ông T5, chiều chiều bà T dẫn ông T5 đi dạo xung quanh đường A1. Trong quá trình sống chung, ngày 13/12/2017 ông T5 cũng đến Văn phòng công chứng G ủy quyền cho bà T toàn quyền quyết định đối với chiếc xe SH đứng tên ông T5. Đến ngày 02/3/2018 thì ông Hoàng Mạnh T5 có lập hợp đồng tặng cho phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 003848 tại phòng công chứng Đông Thành Phố đối với nhà và đất tọa lạc tại số 52 đường A1, khu phố A, phường B1, thành phố C1, Thành phố D1 theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5564/2008 GCN do UBND quận C1 (thành phố C1) cấp ngày 18/8/2008 với nội dung ông T5 tặng cho bà T toàn bộ phần quyền của ông T5 trong quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 52 đường A1, khu phố A, phường B1, thành phố C1, Thành phố D1 để bà T cùng đồng sở hữu, sử dụng với chủ sở hữu, sử dụng phần quyền còn lại và đến ngày 27/4/2018 thì UBND quận C1 (nay là thành phố C1) đã cập nhật tên bà Vũ Thị Lệ T trên giấy chứng nhận đối với tài sản nêu trên. Ngày 03/8/2018 ông T5 đã chết, bà T và bà H không thể thỏa thuận về việc chia tài sản chung đối với căn nhà và đất tọa lạc tại số 52 đường A1, khu phố A, phường B1, thành phố C1, Thành phố D1 nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung đối với nhà và đất tọa lạc tại số 52 đường A1, khu phố A, phường B1,

thành phố C1, Thành phố D1, bà T yêu cầu được chia ½ nhà và đất nêu trên, bà đồng ý nhận giá trị bằng tiền theo giá của chứng thư thẩm định giá.

Đối với bản vẽ hiện trạng nhà đất số 23246/TTĐĐBĐ – CNTĐ ngày 06/11/2020 của Trung tâm đo đạc thuộc sở tài nguyên môi trường Thành phố D1 bà T không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án căn cứ bản vẽ trên để giải quyết, phần áp ranh mặc dù không trùng khớp nhưng diện tích chênh lệch không đáng kể, bà không yêu cầu Tòa án phải đo vẽ lại, đề nghị giải quyết theo diện tích trên giấy chứng nhận. Sau này ai là người được Tòa án giao tiếp tục sở hữu nhà đất trên thì sẽ tranh chấp sau (nếu có), bà sẽ không tranh chấp, khiếu nại hay có yêu cầu gì đối với phần chênh lệch này.

Đối với phần giấy tay bà H mua thêm không nằm trong giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5564/2008/GCN do Ủy ban nhân dân thành phố C1 cấp ngày 18/8/2008, bà T không tranh chấp, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Anh T6 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 02/3/2018 giữa ông T5 và bà T vô hiệu, nguyên đơn không đồng ý vì khi ký hợp đồng tặng cho, tại Văn phòng công chứng, ông T5 đã được công chứng viên kiểm tra nhân thân, tình trạng sức khỏe và quyền sở hữu tài sản một cách đầy đủ, đúng quy định của pháp luật, công chứng viên tự đánh giá về khả năng nhận thức của ông T5 là ông có đủ năng lực nhận thức, đủ minh mẫn và sáng suốt làm chủ hành vi của mình. Ngoài ra, trong thời gian từ năm 2016 đến tháng 6/2018 ông T5 có ra phường nhận tiền hưởng trợ ưu đãi hàng tháng diện người hoạt động kháng chiến nhiễm chất độc hóa học và lãnh tiền hàng tháng tại Ủy ban nhân dân phường B1, thành phố C1. Năm 2016 ông T5 cũng ra Ngân hàng rút tiền, năm 2017 ông T5 ký hợp đồng ủy quyền cho bà T toàn quyền quyết định đối với chiếc xe SH, như vậy trong thời gian sống chung với bà T ông T5 vẫn minh mẫn, sáng suốt để thực hiện các giao dịch trên. Trong quá trình ký hợp đồng tặng cho không có ai khiếu nại hay khiếu kiện gì và đã được Ủy ban nhân dân thành phố C1 cập nhật sang tên bà T đồng sở hữu đối với tài sản nêu trên.

Mặt khác, trình tự thủ tục giám định đối với ông T5 cũng không đúng pháp luật vì chỉ giám định hồ sơ thì không đủ căn cứ để kết luận ông T5 bị mất nhận thức và ông T5 cũng chưa có Tòa án nào tuyên bố ông T5 hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Tất cả các bệnh án mà ông T5 điều trị thì cũng không có bệnh tâm thần. Đối với kết luận giám định của ông T5, bà T mặc dù không yêu cầu giám định lại nhưng không đồng ý với nội dung kết quả đó vì giám định trên hồ sơ bệnh án là không chính xác. Ông T5 có thể hạn chế về chức năng tay chân, không đi lại như người bình thường nhưng nhận thức của

ông thì đầy đủ. Do đó bà T không đồng ý tuyên bố hợp đồng tặng cho giữa ông T5 và Thu là vô hiệu.

- Bị đơn bà Vũ Thị H có người đại diện theo ủy quyền – bà Bùi Thị Thanh T1 và ông Bùi Công T7 trình bày: Ông bà xác định bà H và ông T5 chung sống với nhau từ năm 1979, đến năm 2009 bà H và ông T5 ly hôn, khi giải quyết ly hôn thì tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình sống chung bà H và ông T5 có tạo lập tài sản chung là nhà và đất tọa lạc tại số 52 đường A1, khu phố A, phường B1, thành phố C1, Thành phố D1. Sau khi ly hôn do chưa chia được tài sản nên ông bà vẫn sống chung với nhau tại căn nhà nêu trên. Đến tháng 6/2016 thì ông T5 bị bệnh đột quỵ có đi bệnh viện, đã có thuê người chăm ông T5, tuy nhiên bà T đến chơi, đi đi về về và sau đó ở lại không chịu về (bà T ở lại trên lầu của căn nhà nêu trên). Cả mẹ chồng bà đuổi bà đi nhưng bà T vẫn không đi. Trong thời gian ông T5 bệnh các con chung của bà và ông T5 cũng chăm sóc. Bà không hề biết bà T và ông T5 đã kết hôn cũng như không hề biết việc tặng cho xe cũng như tặng cho phần quyền sở hữu của ông T5 đối với căn nhà nêu trên cho bà T đến khi hết tiền chữa bệnh cho ông T5 thì các con của bà yêu cầu bán chiếc xe SH thì bà T không đồng ý bán và mang về C cất, lúc đó gia đình mới biết xe đã tặng cho bà T và đến khi bà T khởi kiện thì mới biết ông T5 đã tặng cho phần quyền sở hữu của ông T5 đối với căn nhà cho bà T. Nay bà T yêu cầu chia tài sản chung, bà H không đồng ý vì căn cứ vào kết luận giám định pháp y tâm thần số 527/2019/KLGĐTC ngày 01/7/2019 thì trước, trong thời điểm 02/3/2018 ông T5 hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, do đó bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với bản vẽ hiện trạng nhà đất số 23246/TTĐĐBĐ – CNTĐ ngày 06/11/2020 của Trung tâm đo đạc thuộc sở tài nguyên môi trường Thành phố D1 bà H không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án căn cứ bản vẽ trên để giải quyết, phần áp ranh mặc dù không trùng khớp nhưng diện tích chênh lệch không đáng kể (chênh lệch 0,4m^2), bà H không yêu cầu Tòa án phải đo vẽ lại, sau này ai là người được Tòa án giao tiếp tục sở hữu nhà đất trên thì sẽ tranh chấp sau (nếu có), bà H đề nghị giải quyết theo diện tích trên giấy chứng nhận đã được cấp.

Đối với phần giấy tay bà H mua thêm không nằm trong giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5564/2008/GCN do Ủy ban nhân dân thành phố C1 cấp ngày 18/8/2008, bà H không tranh chấp, không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Anh T6 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 02/3/2018 giữa ông T5 và bà T vô hiệu bà đồng ý vì khi ký hợp đồng tặng cho

ông T5 đã không còn minh mẫn, sáng suốt, không đủ năng lực hành vi dân sự để ký hợp đồng tặng cho.

Căn nhà đang tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng và có công sức đóng góp của 03 người con chung của bà H và ông T5. Bà H và ông T5 có tất cả 03 người con gồm ông Hoàng Việt H1, bà Hoàng Thị Lan A và ông Huỳnh Minh T8, ngoài ra không còn người con nào khác. Ông T5 có ba là ông Hoàng Văn C (đã chết) và mẹ là bà Mai Thị T4.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Vũ Thị H có ông Nguyễn Hồng C1 trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của bà H và đại diện bà H; hợp đồng tặng cho giữa ông T5 và bà T được ký kết trong thời điểm ông T5 không minh mẫn sáng suốt nên đề nghị tuyên bố hợp đồng trên vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Anh T2 (có đơn yêu cầu độc lập) có người đại diện theo ủy quyền bà Bùi Thị Thanh T1 và ông Bùi Công T7 trình bày: Ông T2 là con của ông T5 và bà H, ông thống nhất với ý kiến trình bày của người đại diện cho bà H. Đối với hợp đồng tặng cho giữa ông T5 và bà T ông đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng này vô hiệu vì thời điểm ký hợp đồng tặng cho nêu trên ông T5 bị hạn chế năng lực, không minh mẫn, không đủ năng lực để ký kết hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật như kết luận giám định pháp y tâm thần số 527/2019/KLGĐTC ngày 01/7/2019, do hủy hợp đồng tặng cho nên đề nghị Tòa án hủy phần cập nhật sang tên cho bà T vào ngày 27/4/2018. Ông T2 chỉ yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng tặng cho vô hiệu, không yêu cầu Tòa án phải chia thừa kế. Ông xác định ông T5 và bà H có tất cả 03 người con gồm ông Hoàng Anh T2, ông Hoàng Việt H1, bà Hoàng Thị Lan A, ngoài ra không còn người con chung nào khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Việt H1 có người đại diện theo ủy quyền bà Bùi Thị Thanh T1 và ông Bùi Công T7 trình bày: Ông H1 là con của ông T5 và bà H, ông thống nhất với ý kiến trình bày của ông T7 đại diện cho bà H và ông T2 và không bổ sung gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Lan A có người đại diện theo ủy quyền bà Bùi Thị Thanh T1 và ông Bùi Công T7 trình bày: Bà Lan A là con của ông T5 và bà H, bà thống nhất với ý kiến trình bày của ông T7 đại diện cho bà H và ông T2 và không bổ sung gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị T4 trình bày: Bà là mẹ của ông T5, bà không có tranh chấp hay yêu cầu gì, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng G có ý kiến trình bày: Văn phòng công chứng xác định đã thực hiện việc công chứng

hợp đồng tặng cho đúng quy định pháp luật, tại thời điểm công chứng, công chứng viên đã tiến hành kiểm tra nhận dạng người yêu cầu công chứng, thông qua các giấy tờ tùy thân để xác định được chủ thể tham gia giao dịch có đủ điều kiện giao kết hợp đồng, giao dịch và kiểm tra tình trạng pháp lý của tài sản giao dịch và các giấy tờ có liên quan. Công chứng viên xét thấy nội dung yêu cầu công chứng hợp đồng tặng cho của người yêu cầu công chứng phù hợp với quy định của pháp luật và đã giải thích cho người yêu cầu công chứng hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của họ, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc công chứng hợp đồng nêu trên và xin vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 513/2023/DS-ST ngày 07/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố C1, Thành phố D1 đã - căn cứ:

Khoản 3, khoản 11 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 165; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.Điều 23; Điều 116; Điều 117; Điều 149; Điều 208; Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 95; Điều 98 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Luật phí và lệ phí năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu chia tài sản chung đối với nhà đất tọa lạc tại số 52 đường A1, khu phố A, phường B1, thành phố C1, Thành phố D1 theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5564/2008/GCN do Ủy ban nhân dân thành phố C1 cấp ngày ngày 18/8/2008 đã được cập nhật thay đổi ngày 27/4/2018.

- Bà Vũ Thị H được trọn quyền sở hữu, quản lý và sử dụng nhà, đất tọa lạc tại số 52 đường A1, khu phố A, phường B1, thành phố C1 theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5564/2008/GCN do Ủy ban nhân dân thành phố C1 cấp ngày 18/8/2008, đã được cập nhật thay đổi ngày 27/4/2018 và có nghĩa vụ giao cho bà Vũ Thị Lệ T ½ giá trị tài sản chung là nhà đất tọa lạc tại số 52 đường A1, khu phố A, phường B1, thành phố C1 theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5564/2008/GCN do Ủy ban nhân dân thành phố C1 cấp ngày 18/8/2008 tương đương số tiền là 7.712.783.500 (bảy tỷ, bảy trăm mười hai triệu, bảy trăm tám mươi ba ngàn, năm trăm đồng).

Sau khi bà Vũ Thị H thực hiện việc giao ½ giá trị tài sản chung tương đương số tiền là 7.712.783.500 (bảy tỷ, bảy trăm mười hai triệu, bảy trăm tám mươi ba ngàn, năm trăm đồng) cho bà Vũ Thị Lệ T thì bà Vũ Thị H được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký biến động chuyển tên quyền sở

hữu nhà ở và quyền sử dụng đất đối ở với tài sản là nhà, đất tọa lạc tại số 52 đường A1, khu phố A, phường B1, thành phố C1 theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5564/2008/GCN do Ủy ban nhân dân thành phố C1 cấp ngày 18/8/2008 sang tên cho bà Vũ Thị H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Vũ Thị Lệ T cho đến khi thi hành án xong số tiền nêu trên, hàng tháng bà Vũ Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Hoàng Mạnh Tuấn về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 003848 ngày 02/3/2018 giữa ông Hoàng Mạnh T5 và bà Vũ Thị Lệ T là vô hiệu và hủy phần cập nhật ngày 27/4/2018 trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5564/2008/GCN do Ủy ban nhân dân thành phố C1 cấp ngày 18/8/2008.

3. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

3.1 Về chi phí tố tụng khác:

Bị đơn bà Vũ Thị H phải chịu chi phí giám định pháp y tâm thần tại Trung tâm pháp y tâm thần Thành phố D1.

Bị đơn bà Vũ Thị H có nghĩa vụ hoàn lại cho nguyên đơn bà Vũ Thị Lệ T ½ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá là 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm ngàn đồng).

3.2 Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Vũ Thị Lệ T phải chịu án phí chia tài sản chung là 115.712.784 (một trăm mười lăm triệu, bảy trăm mười hai ngàn, bảy trăm tám mươi bốn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 56.250.000 đồng nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0022588 ngày 05/9/2018 của chi Cục thi hành án Dân sự quận C1 (nay là thành phố C1). Bà T còn phải nộp tiếp số tiền là 59.462.784 (năm mươi chín triệu, bốn trăm sáu mươi hai ngàn, bảy trăm tám mươi bốn đồng).

Bà Vũ Thị H phải chịu án phí chia tài sản chung là 115.712.784 (một trăm mười lăm triệu, bảy trăm mười hai ngàn, bảy trăm tám mươi bốn đồng), tại thời điểm xét xử bà H thuộc người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Hoàng Anh T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003796 ngày 10/9/2019 của Chi cục thi hành

án Dân sự quận C1 (nay là thành phố C1). Ông T2 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các bên đương sự theo luật định.

Sau khi xử sơ thẩm:

Ngày 20/3/2023, bị đơn bà Vũ Thị H nộp đơn kháng cáo, yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà T, hoặc hủy bản án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm không đưa ông Hoàng Đức Mạnh là con riêng của ông T5, sinh năm 2003, đang ở Thôn Bù Ghe, xã Đăk Nhau, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia vụ kiện.

Ngày 17/3/2023, bà Hoàng Thị Lan A, ông Hoàng Anh T2 và ông Hoàng Việt H1 là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (con ruột ông Hoàng Mạnh T5) đều có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Hoàng Anh T2 tuyên bố hợp đồng tặng cho phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 003848 ngày 02/3/2018 giữa ông Hoàng Mạnh T5 và bà Vũ Thị Lệ T là vô hiệu và hủy phần cập nhật sang tên bà Vũ Thị Lệ T ngày 27/4/2018 trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5564/2008/GCN do Ủy ban nhân dân thành phố C1 cấp ngày 18/8/2008 cho ông Hoàng Mạnh T5 và bà Vũ Thị H. Đồng thời bà T1 xác nhận rút yêu cầu kháng cáo phần yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của ông Hoàng Mạnh T5 chết để lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Vũ Thị Lệ T do ông Nguyễn Văn Q đại diện theo ủy quyền xác định xác định không có kháng cáo và không đồng ý lý do, yêu cầu kháng cáo bị đơn cũng như của những người có quyền lợi, liên quan do bà Bùi Thị Thanh T1 và ông Dương Hoàng T3 đại diện theo ủy quyền trình bày. Do đây không phải vụ án tranh chấp thừa kế, mà là yêu cầu chia tài chung; bản án sơ thẩm đã xem xét và đánh giá toàn diện, đầy đủ, khách quan tất cả chứng cứ; nhà đất tranh chấp là tài sản chung hợp nhất của ông T5 với bà H chua chia khi ly hôn, do đó sơ thẩm xác định mỗi người được quyền định đoạt ½ của mình là đúng căn cứ pháp luật. Vì vậy ông Quang yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà Vũ Thị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Lan A, ông Hoàng Anh T2 và ông Hoàng Việt H1 là (con ruột ông Hoàng Mạnh T5) do bà Bùi Thị Thanh T1 và ông Dương Hoàng T3 đại diện theo ủy quyền trình bày xác định không rút kháng cáo, bà T1 yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Hoàng Anh T2 tuyên bố hợp đồng tặng cho phần quyền sử

dụng đất và tài sản gắn liền với đất công chứng số 003848 ngày 02/3/2018 giữa ông Hoàng Mạnh T5 và bà Vũ Thị Lệ T là vô hiệu và hủy phần cập nhật ngày 27/4/2018 trên "Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở" số 5564/2008/GCN do Ủy ban nhân dân thành phố C1 cấp ngày 18/8/2008 cho ông Hoàng Mạnh T5 và bà Vũ Thị H. Đồng thời bà T1 xác nhận không kháng cáo yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Hoàng Mạnh T5 chết để lại.

Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không có tài liệu chứng cứ mới bổ sung tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố D1 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến (kèm bài phát biểu nội dung):

- Về việc chấp hành pháp luật theo tố tụng tại cấp phúc thẩm:

Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự ở giai đoạn phúc thẩm Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định.

Về nội dung: Sau khi phân tích đã đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị H và của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Lan A, ông Hoàng Anh T2 và ông Hoàng Việt H1 là (con ruột ông Hoàng Mạnh T5), giữ y bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Xét "Đơn kháng cáo" của bị đơn bà Vũ Thị H và của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Lan A, ông Hoàng Anh T2 và ông Hoàng Việt H1 (con bà H) đã làm và nộp trong thời hạn luật định, thủ tục kháng cáo được thực hiện đầy đủ đúng tố tụng, nên xem là hợp lệ để xét về nội dung và yêu cầu kháng cáo theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Mai Thị T4, Văn phòng công chứng G đều không có kháng cáo và những người làm chứng, đã được Tòa án cấp phúc thẩm tống đạt triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi. Do đó căn cứ Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét nội dung và yêu cầu kháng cáo:

Bị đơn bà Vũ Thị H và của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Lan A, ông Hoàng Anh T2 và ông Hoàng Việt H1 do bà T1, ông

T3 đại diện - tất cả cho rằng ông T5 đã bị bệnh từ năm 2016, phải thường xuyên điều trị tại Bệnh Viện Quân Dân Y Miền Đông và Bệnh viện nhân dân Gia Định và các bệnh có ảnh hưởng đến khả năng nhận thức, làm nhận thức ông T5 bị suy giảm; được chứng minh qua "Kết luận giám định pháp y tâm thần" số 527/2019/KLGĐTC ngày 01/7/2019 của Trung tâm giám định pháp y tâm thần khu vực Thành phố D1, kết luận ông Hoàng Mạnh T5 trước, trong thời điểm 02/3/2018 "Hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi (người có khó khăn về nhận thức và điều khiển hành vi". Do đó đề nghị Tòa án tuyên xác định hợp đồng tặng cho nhà đất giữa ông T5 với bà T là vô hiệu và hủy phần cập nhật ngày 27/4/2018 trên "Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở" số 5564/2008/GCN do Ủy ban nhân dân thành phố C1 cấp ngày 18/8/2008 cho ông Hoàng Mạnh T5 và bà Vũ Thị H; buộc bà T phải giao lại bản chính "Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở" tranh chấp mà bà T hiện đang giữ để bà H xin xóa nội dung cập nhật cho bà T đồng sở hữu, sử dụng hoặc làm lại giấy chứng nhận khác nếu bà T không giao trả lại giấy.

Nguyên đơn bà Vũ Thị Lệ T thừa nhận đang giữ bản chính "Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở" số 5564/2008/GCN do Ủy ban nhân dân thành phố C1 cấp ngày 18/8/2008 cho ông Hoàng Mạnh T5 và bà Vũ Thị H, đã cập nhật từ ông T5 sang cho bà T đồng sở hữu vào ngày 27/4/2018.

[3] Xét các tài liệu tại hồ sơ vụ án và lời trình bày các bên tại phiên tòa thể hiện như sau:

[3.1] Tại "Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuân của các đương sự" số 135/2009/QĐST-HNGĐ ngày 12/5/2009 của Tòa án nhân dân Quận C1, Thành phố D1 giữa nguyên đơn ông Hoàng Mạnh T5 với bị đơn bà Vũ Thị H, có thể hiện nội dung: "Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết" (BL275).

[3.2] "Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở" Hồ sơ gốc số 5564/2008/GCN ngày 18/8/2008 do Ủy ban nhân dân quận C1 (nay là thành phố C1) cấp cho ông Hoàng Mạnh T5 và bà Vũ Thị H; cập nhật ngày 27/4/2008 "tặng cho bà Vũ Thị Lệ T (phần quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản của ông Hoàng Mạnh T5), CMND số: 270771310, địa chỉ: 106/3, KP1, P.An Bình, C, D cùng sử dụng đất và sở hữu tài sản với bà: Vũ Thị H; theo hồ sơ số 48792. TA.001." (BL260-262).

[3.3] Tại "Hợp đồng tặng cho phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" số 003848 ngày 02/3/2018 do Văn phòng công chứng G lập giữa ông Hoàng Mạnh T5 và bà Vũ Thị Lệ T với nội dung ông T5 tặng cho bà Vũ Thị Lệ

T toàn bộ "Phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với nhà đất tọa lạc tại 52 đường A1, khu phố A, phường B1, quận C1, Thành phố D1 theo "Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở" Hồ sơ gốc số 5564/2008/GCN do Ủy ban nhân dân quận C1 (nay là thành phố C1) cấp ngày 18/8/2008, …" để bà T "cùng đồng sở hữu, sử dụng với chủ sở hữu, sử dụng phần quyền còn lại" (BL283-284).

Như vậy có căn cứ xác định nhà đất nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung tọa lạc tại 52 đường A1, khu phố A, phường B1, quận C1, Thành phố D1 theo "Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở" Hồ sơ gốc số 5564/2008/GCN do Ủy ban nhân dân quận C1 (nay là thành phố C1) cấp ngày 18/8/2008, là tài sản chung hợp nhất của ông Hoàng Mạnh T5 với bà Vũ Thị H là vợ chồng đã thuận tình ly hôn (nhưng không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết) theo Quyết định số 135/2009/QĐST-HNGĐ ngày 12/5/2009 của Tòa án cùng tạo lập đứng tên sở hữu. Ngày 02/3/2018 ông T5 đã ký "Hợp đồng tặng cho phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" Công chứng số 003848 tại Văn phòng công chứng G để tặng cho bà Vũ Thị Lệ T toàn bộ phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông T5 đối với nhà đất này và bà T đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận C1 cập nhật quyền sở hữu, sử dụng đối với nhà đất vào ngày 27/4/2018 tại giấy chứng nhận.

[4] Theo "Kết luận giám định pháp y tâm thần" số 527/2019/KLGĐTC ngày 01/7/2019 của Trung tâm giám định pháp y tâm thần khu vực Thành phố D1 về nội dung: "Đánh giá tình trạng tâm thần trước, trong thời điểm ký hợp đồng 02/3/2018" của ông Hoàng Mạnh T5 đã kết luận: "2.1. Về y học: … Tình trạng tâm thần của đối tượng Hoàng Mạnh T5 trước, trong thời điểm 02/3/2018: Sa sút tâm thần do Bệnh mạch máu não, mức độ trung bình/ Teo não(F01-ICD10)." Và tại "2.2. Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Đối tượng Hoàng Mạnh T5 trước, trong thời điểm 02/3/2018: Hạn chế khả năng nhận thức và điều kiển hành vi (người có khó khăn về nhận thức và điều khiển hành vi - theo điều 130 Bộ luật dân sự năm 2005; điều 23 Bộ luật dân sự 2015, có sửa đổi năm 2017)." (BL436-437).

Như vậy, căn cứ "Kết luận giám định pháp y tâm thần" của Trung tâm giám định pháp y tâm thần khu vực Thành phố D1 nêu trên có cơ sở xác định: Trước, trong thời điểm ngày 02/3/2018 - là ngày ông Hoàng Mạnh T5 thực hiện giao dịch ký "Hợp đồng tặng cho" số 003848 do Văn phòng công chứng G thực hiện công chứng, tặng cho bà Vũ Thị Lệ T toàn bộ phần quyền của ông T5 đối với nhà đất tại "Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở" Hồ sơ gốc số 5564/2008/GCN do Ủy ban nhân dân quận C1 (nay là thành phố

C1) cấp ngày 18/8/2008, là tài sản chung hợp nhất của ông Hoàng Mạnh T5 với bà Vũ Thị H thì ông T5 là người đang bị "Sa sút tâm thần do Bệnh mạch máu não, mức độ trung bình"; bị "Hạn chế khả năng nhận thức và điều kiển hành vi (người có khó khăn về nhận thức và điều khiển hành vi - theo điều 130 Bộ luật dân sự năm 2005; điều 23 Bộ luật dân sự 2015, có sửa đổi năm 2017) theo xác định của cơ quan chức năng có chuyên môn được pháp luật quy định và công nhận để làm cơ sở xác định một người "mất năng lực hành vi dân sự" hay "người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi" theo Điều 22 và Điều 23 Bộ luật dân sự năm 2015, sủa đổi bổ sung năm 2017.

[4.1] Xét khoản 1 Điều 125 Bộ luật dân sự 2015 về "Giao dịch dân sự vô hiệu do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện" có quy định: "Khi giao dịch dân sự do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người bị hạn chế ngăng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện thì theo yêu cầu của người đại diện của người đó, tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu nếu theo quy định của pháp luật giao dịch này phải do người đại diện của họ xác lập, thực hiện hoặc đồng ý, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này."; và tại khoản 2 Điều 125 quy định: "Giao dịch dân sự của người quy định tại khoản 1 Điều này không bị vô hiệu trong trương hợp sau đây:

a) Giao dịch dân sự của người chưa đủ 16 tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yêu hàng ngày của người đó;

b) Giao dịch dân sự chỉ làm phát sinh quyền hoặc chỉ miễn trừ nghĩa vụ cho người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế ngăng lực hành vi dân sự với người đã xác lập, thực hiện giao dịch với họ;

c) ...

Xét trường hợp ông Hoàng Mạnh T5 thực hiện giao dịch ký "Hợp đồng tặng cho phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" số 003848 ngày 02/03/2018 của Văn phòng công chứng G, tặng cho bà Vũ Thị Lệ T toàn bộ phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông T5 là trong lúc ông T5 đang bị "Sa sút tâm thần do Bệnh mạch máu não, mức độ trung bình"; bị "Hạn chế khả năng nhận thức và điều kiển hành vi (người có khó khăn về nhận thức và điều khiển hành vi) như tại kết luận giám định, nhưng không thuộc các trường hợp "nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu hàng ngày" hay "chỉ làm phát sinh quyền hoặc chỉ miễn trừ nghĩa vụ" cho ông T5 với người xác lập như viện dẫn trên - Trong khi hồ sơ hợp đồng công chứng do Văn phòng công chứng G cung cấp không có tài liệu xác định về năng lực hành vi dân sự của ông T5 tại thời

điểm giao dịch ký hợp đồng tặng cho, không thể hiện bà T là người nhận tài sản ông T5 ký tặng cho đã có cung cấp thông tin về bệnh trạng mà ông T5 điều trị và cũng không có người giám hộ hay ai khác chứng chứng kiến việc ông T5 giao kết hợp đồng ngoài công chứng viên - Khi ông T5 tặng cho tài sản cho chính bà T đang là vợ ông T5 theo "Giấy chứng nhận kết hôn" số 110 ngày 20/8/2016 tại Ủy ban nhân dân phường B1, quận C1, Thành phố D1. Vì vậy có căn cứ xác định "Hợp đồng tặng cho phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" số 003848 ngày 02/03/2018 giữa ông Hoàng Mạnh T5 với bà Vũ Thị Lệ T do Văn phòng công chứng G xác lập đối với tài sản là "toàn bộ phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" đối với nhà đất nêu trên là chưa đảm bảo "Điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 117 Bộ luật dân sự 2015, nên giao dịch tặng cho theo hợp đồng là vô hiệu theo quy định tại Điều 122 và Điều 128 Bộ luật dân sự và không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch dân sự được xác lập theo Điều 131 Bộ luật dân sự quy định về "Hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu".

Mặc khác, tại thời điểm tặng cho ngày 02/3/2018, thì "Phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với nhà đất tọa lạc tại 52 đường A1, khu phố A, phường B1, quận C1, Thành phố D1 theo "Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở" Hồ sơ gốc số 5564/2008/GCN do Ủy ban nhân dân quận C1 (nay là thành phố C1) cấp ngày 18/8/2008, …" mà ông T5 tặng cho bà T là chưa được phân định là phần nào, tỷ lệ bao nhiêu, vị trí nào theo giấy chứng nhận. Bởi lẽ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với nhà đất theo giấy chứng nhận này là sở hữu chung hợp nhất của ông T5 với bà H; sau khi ly hôn chưa được ông T5 bà H thỏa thuận hay đã được Tòa án phân chia xác định.

Đối với các giao dịch về hành chánh của ông Hoàng Mạnh T5 từ năm 2016 đến năm 2018 (Rút tiền tại ngân hàng, ký hợp đồng ủy quyền, "Tờ cam kết…" ngày 21/5/2018 của ông T5 được Ủy ban phường xác nhận chữ ký (BL254), …) sau khi ông T5 xác lập giao dịch tặng cho ngày 02/3/2018 đang bị tranh chấp là những giao dịch không có ai tranh chấp và đã được cơ quan chức năng giải quyết, cho nên không phải là căn cứ pháp lý do cơ quan chuyên môn có chức năng xác định là ông T5 không bị "Sa sút tâm thần do Bệnh mạch máu não, mức độ trung bình"; bị "Hạn chế khả năng nhận thức và điều kiển hành vi (người có khó khăn về nhận thức và điều khiển hành vi) tại và trong lúc thực hiện giao dịch như "Kết luận giám định pháp y tâm thần" của Trung tâm giám định pháp y tâm thần khu vực Thành phố D1 giám định xác định để phủ nhận "Kết luận giám định pháp y tâm thần" của Trung tâm giám định pháp y tâm thần

khu vực Thành phố D1 như cấp sơ thẩm nhận định và phân tích của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố D1 tại phiên tòa.

[5] Do "Hợp đồng tặng cho phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" số 003848 ngày 02/03/2018 giữa ông Hoàng Mạnh T5 với bà Vũ Thị Lệ T do Văn phòng công chứng G, xác lập đối với phần tài sản của ông T5 tại "Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở" Hồ sơ gốc số 5564/2008/GCN ngày 18/8/2008 do Ủy ban nhân dân quận C1 (nay là thành phố C1) cấp cho ông Hoàng Mạnh T5 và bà Vũ Thị H là vô hiệu như phân tích trên, nên cập nhật của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận C1 ngày 27/4/2008 với nội dung: "tặng cho bà Vũ Thị Lệ T (phần quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản của ông Hoàng Mạnh T5), CMND số: 270771310, địa chỉ: 106/3, KP1, P.An Bình, C, D cùng sử dụng đất và sở hữu tài sản với bà: Vũ Thị H; theo hồ sơ số 48792. TA.001." cũng vô hiệu, phải hủy nội dung cập nhật này.

[6] Đối với yêu cầu được chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của ông Hoàng Mạnh T5 chết để lại của bà Hoàng Thị Lan A, ông Hoàng Anh T2 và ông Hoàng Việt H1 là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại đơn kháng cáo, là yêu cầu mới đặt ra sau khi xét xử sơ thẩm, chưa được cấp sơ thẩm xem xét giải quyết. Do đó các bên được khởi kiện bằng vụ án khác nếu có tranh chấp. Tại "Đơn xác dịnh yêu cầu kháng cáo" ngày 26/6/2023 và tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị H bị đơn và của ông Anh, ông T2 và ông H1 cũng xác định không kháng cáo yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của ông T5. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của của bị đơn bà Vũ Thị H và của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: bà Hoàng Thị Lan A, ông Hoàng Anh T2 và ông Hoàng Việt H1: Sửa bản án sơ thẩm - xác định "Hợp đồng tặng cho phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" số 003848 ngày 02/3/2018 của Văn phòng công chứng G lập giữa ông Hoàng Mạnh T5 với bà Vũ Thị Lệ T là vô hiệu; hủy phần cập nhật biến động tại "Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở" Hồ sơ gốc số 5564/2008/GCN ngày 18/8/2008 do Ủy ban nhân dân quận C1 (nay là thành phố C1) cấp cho ông Hoàng Mạnh T5 và bà Vũ Thị H của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận C1 ngày 27/4/2008, về nội dung: "tặng cho bà Vũ Thị Lệ T (phần quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản của ông Hoàng Mạnh T5), CMND số: 270771310, địa chỉ: 106/3, KP1, P.An Bình, C, D cùng sử dụng đất và sở hữu tài sản với bà: Vũ Thị H; theo hồ sơ số 48792. TA.001."; bà T phải giao lại cho bà H bản chính "Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở" Hồ sơ gốc số 5564/2008/GCN do Ủy ban nhân dân quận C1 (nay là thành phố C1) cấp ngày

18/8/2008 do bà T đang giữ. Quan điểm phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là không phù hợp với nhận định và phân tích trên nên không có căn cứ chấp nhận.

Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng bà T phải chịu đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận; bị đơn bà Vũ Thị H là người trên 60 tuổi không phải chịu án phí; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Hoàng Anh T2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông T2 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Án phí dân sự phúc thẩm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Lan A, ông Hoàng Anh T2 và ông Hoàng Việt H1 không phải chịu, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 148; Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị H và của bà Hoàng Thị Lan A, ông Hoàng Anh T2 và ông Hoàng Việt H1 là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 513/2023/DS-ST ngày 07/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố C1, Thành phố D1.

Căn cứ Điều 26; Điều 27; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều Điều 161; 165; khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 23; Điều 116; Điều 117; Điều 122; Điều 125; Điều 128; 149; Điều 208; Điều 208; Điều 209; Điều 210; Điều 213; Điều 218 và Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015 - Điều 28; Điều 95; Điều 98 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 - Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 - Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 - Luật phí và lệ phí năm 2015 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Lệ T về yêu cầu chia tài sản chung đối với nhà đất tọa lạc tại số 52 đường A1, khu phố A, phường B1, thành phố C1, Thành phố D1 theo "Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở" số 5564/2008/GCN do Ủy ban nhân dân Quận C1 (nay là thành phố C1), Thành phố D1 cấp ngày ngày 18/8/2008 cho

ông Hoàng Mạnh T5 và bà Vũ Thị H; đã cập nhật thay đổi ngày 27/4/2018 sang bà Vũ Thị Lệ T và bà Vũ Thị H.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Hoàng Anh T2:

- Tuyên bố "Hợp đồng tặng cho phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" số 003848 ngày 02/3/2018 tại Văn phòng công chứng G giữa ông Hoàng Mạnh T5 với bà Vũ Thị Lệ T với nội dung ông T5 tặng cho bà Vũ Thị Lệ T toàn bộ "Phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với nhà đất tọa lạc tại 52 đường A1, khu phố A, phường B1, quận C1, Thành phố D1 theo "Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở" Hồ sơ gốc số 5564/2008/GCN do Ủy ban nhân dân quận C1 (nay là thành phố C1) cấp ngày 18/8/2008 là vô hiệu.

- Hủy cập nhật biến động ngày 27/4/2008 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận C1 (nay là thành phố C1), Thành phố D1 với nội dung: "tặng cho bà Vũ Thị Lệ T (phần quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản của ông Hoàng Mạnh T5), CMND số: 270771310, địa chỉ: 106/3, Khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh D cùng sử dụng đất và sở hữu tài sản với bà Vũ Thị H; theo hồ sơ số 48792. TA.001." tại "Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở" Hồ sơ gốc số 5564/2008/GCN ngày 18/8/2008 do Ủy ban nhân dân quận C1 (nay là thành phố C1), Thành phố D1 cấp cho ông Hoàng Mạnh T5 và bà Vũ Thị H.

- Bà Vũ Thị Lệ T phải giao trả lại cho bà Vũ Thị H "Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở" theo hồ sơ gốc số 5564/2008/GCN do Ủy ban nhân dân quận C1 (nay là thành phố C1), Thành phố D1 cấp ngày 18/8/2008 cho ông Hoàng Mạnh T5 và bà Vũ Thị H, cập nhật biến động ngày 27/4/2008 tên bà Vũ Thị Lệ T, để bà Vũ Thị H liên hệ cơ quan chức năng xóa phần cập nhật lại biến động theo quyết định tại bản án này.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Vũ Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Vũ Thị Lệ T không thi hành giao trả lại bản chính "Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở" Hồ sơ gốc số 5564/2008/GCN do Ủy ban nhân dân quận C1 (nay là thành phố C1), Thành phố D1 cấp ngày 18/8/2008 cho ông Hoàng Mạnh T5 và bà Vũ Thị H, đã cập nhật thay đổi ngày 27/4/2018 sang bà Vũ Thị Lệ T và bà Vũ Thị H thì bà H được quyền liên hệ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xin cấp lại "Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở" thay thế cho "Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở" Hồ sơ gốc số 5564/2008/GCN do Ủy ban nhân dân quận C1 (nay là thành phố C1), Thành phố D1 cấp ngày 18/8/2008 cho ông Hoàng Mạnh T5 và bà Vũ Thị H (đã cập nhật thay đổi ngày 27/4/2018 sang bà Vũ Thị Lệ T và bà Vũ Thị H) theo quy định

pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

Nguyên đơn bà Vũ Thị Lệ T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá, bị đơn bà Vũ Thị H không phải chịu.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị Lệ T phải là 115.712.784đ *(Một trăm mười lăm triệu, bảy trăm mười hai ngàn, bảy trăm tám mươi bốn đồng)*; được cấn trừ vào số tiền 56.250.000 đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp theo "Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" số: AA/2018/0022588 ngày 05/9/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự quận C1 (nay là thành phố C1), Thành phố D1; Bà T còn phải nộp tiếp số tiền là 59.462.784đ *(Năm mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi hai ngàn bảy trăm tám mươi bốn đồng)*. Ông Hoàng Anh T2 phải không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; ông T2 được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo "Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" số: AA/2019/ 0003796 ngày 10/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận C1 (nay là thành phố C1), Thành phố D1.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn - bà Vũ Thị H và của bà Hoàng Thị Lan A, ông Hoàng Anh T2 và ông Hoàng Việt H1 là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu, mỗi người được nhận lại số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo "Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" số: AA/2023/0002604 ngày 30/3/2023 của ông Hoàng Anh T2; số: AA/2023/0002605 ngày 30/3/2023 của ông Hoàng Việt H1; và biên lai thu số: AA/2023/0002606 ngày 30/3/2023 của bà Hoàng Thị Lan A của Chi cục thi hành án dân sự quận C1 (nay là thành phố C1), Thành phố D1..

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- TAND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu (20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Thịnh